TOÀ □N NHÂN DÂN **HUY□N L□□NG TÀI** **TỈNH BẮC NINH** ---------- Số: 32/2018/QĐST - HNGĐ	**C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh phúc** ---------- *Lương Tài, ngày 20 tháng 3 năm 2018*

QUY□T □□NH
C□NG NH□N THU□N T□NH LY H□N VÀ S□ THO□ THU□N C□A C□C □□□NG S□

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa:

*. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995
Địa chỉ: Khu N – Y – X – Phú Thọ

*. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1989
Địa chỉ: X – Y – C – Bắc Ninh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 12/3/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUY□T □□NH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Hữu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Hữu H.

* Về án phí: Công nhận sự thoả thuận giữa chị L và anh H: Chị Trần Thị L chịu cả 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2012/04447 ngày 01/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại chị Trần Thị L 150.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnhh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Phong